

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC

Báo cáo của Hội Đồng Quản Trị

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008

MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng Quản trị	1 - 2
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	3
3. Bảng cân đối kế toán ngày 31/12/2008	4 - 5
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	6
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	7
6. Thuyết minh báo cáo tài chính	8 - 26

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC (gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008.

1. Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát Công ty đến ngày lập bảng báo cáo tài chính là:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Ngọc Anh	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Bà Nguyễn Thị Ngọc Loan	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Văn Tiến	Thành viên HĐQT
Ông Ma Đức Tú	Thành viên HĐQT
Ông Võ Hữu Tuấn	Thành viên HĐQT
Ông Đào Việt Thắng	Trưởng ban kiểm soát
Bà Hồ Thị Ngọc Tuyết	Thành viên ban kiểm soát

2. Ban Giám đốc

Các thành viên Ban Giám đốc điều hành Công ty đến ngày lập báo cáo tài chính này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Ngọc Anh	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Ngọc Loan	Phó Tổng Giám đốc
Ông Võ Hoàng Vũ	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Bình Trọng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Tiến	Phó Tổng Giám đốc

3. Trụ sở hoạt động

Trụ sở chính đặt tại: 124 Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các đơn vị trực thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh tại Bình Dương	Đường số 5, Khu công nghiệp Đồng An, Thuận An, Bình Dương.
Chi nhánh tại Hà Nội	Tầng 7, tòa nhà Simco, Phạm Hùng, Từ Liêm, Hà Nội.
Chi nhánh SMC – An Lạc	548 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Bình Tân, Tp.HCM.

4. Các hoạt động chính

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất, kinh doanh xuất nhập khẩu sắt thép, hàng kim khí, vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất, thiết bị xây lắp, thiết bị cơ khí, khung kho nhà xưởng bằng cấu kiện nhôm, thép, inox (không sản xuất tại trụ sở); Xây dựng, lắp đặt công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi; Sửa chữa nhà ở, trang trí nội thất; Lập dự án đầu tư xây dựng, kinh doanh nhà, mua bán hàng kim khí điện máy, thực phẩm; Dịch vụ giao nhận, kho vận hàng hóa nội địa và xuất khẩu.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

5. Kết quả của năm tài chính

Tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31/12/2008 và kết quả hoạt động của năm tài chính cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ kết thúc vào cùng ngày 31/12/2008 được trình bày từ trang 04 đến trang 26.

6. Tài sản lưu động

Vào ngày lập báo cáo này, Hội đồng Quản trị Công ty nhận thấy rằng không có bất cứ trường hợp nào có thể làm cho sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính.

7. Các khoản nợ bất ngờ

Vào ngày lập báo cáo này không có bất cứ một khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Công ty từ khi kết thúc thời kỳ tài chính.

8. Các khoản mục bất thường

Không có những điều bất thường nào có thể làm sai lệch bất kỳ số liệu nào được nêu trong báo cáo tài chính.

9. Các vấn đề khác

Trong năm 2008, Công ty đã thành lập Công ty con (100% vốn chủ sở hữu) có tên gọi là Công ty TNHH Một thành viên SMC Bình Dương theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3701117241 ngày 10/11/2008. Tuy nhiên đến thời điểm 01/01/2009, Công ty con mới bắt đầu hoạt động.

10. Kiểm toán viên

Công ty Tư vấn và Kiểm toán CA&A được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008.

11. Ý kiến của Hội đồng Quản trị

Theo ý kiến của Hội đồng Quản trị, bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cùng với bảng thuyết minh đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình hoạt động của Công ty năm 2008.

Vào ngày lập báo cáo này có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Công ty có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.

Thay mặt Hội đồng Quản trị

NGUYỄN NGỌC ANH
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ngày 24 tháng 02 năm 2009

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 02 năm 2009

Số: 104/BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

**về báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008
của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC**

**Kính gửi : CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán của Công ty Cổ phần Đầu tư – Thương mại SMC (sau đây gọi tắt là “Công ty”) ngày 31/12/2008, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào cùng ngày 31/12/2008 (từ trang 04 đến trang 26). Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là nêu ý kiến nhận xét căn cứ vào kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Số dư đầu kỳ (01/01/2008) đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) với ý kiến chấp nhận toàn phần.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Những chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, các Báo cáo tài chính đính kèm theo bản báo cáo này đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính vào ngày 31/12/2008 của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào cùng ngày 31/12/2008 và được lập phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Kiểm toán viên

Giám đốc

Nguyễn Ngọc Tuyên

Chứng chỉ KTV số: 0188/KTV

Nguyễn Văn Tuyên

Chứng chỉ KTV số: Đ.0111/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. Tài sản ngắn hạn	100		499.392.963.840	441.664.510.934
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		178.004.620.729	55.460.426.658
1. Tiền	111	V.01	178.004.620.729	55.460.426.658
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	10.723.809.000	35.924.326.949
1. Đầu tư ngắn hạn	121		19.797.183.595	35.924.326.949
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(9.073.374.595)	-
III. Các khoản phải thu	130	V.03	184.914.647.755	227.448.280.939
1. Phải thu khách hàng	131		167.831.487.464	204.765.090.160
2. Trả trước cho người bán	132		16.638.501.480	20.978.161.971
3. Các khoản phải thu khác	135		1.454.010.359	1.705.028.808
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(1.009.351.548)	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.04	94.577.846.387	67.103.437.802
1. Hàng tồn kho	141		94.577.846.387	67.103.437.802
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	V.05	31.172.039.969	55.728.038.586
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	41.580.000
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.762.001.166	408.234.369
3. Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước	154		-	345.329.680
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		29.410.038.803	54.932.894.537
B. Tài sản dài hạn	200		181.701.238.674	101.755.160.385
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		53.784.174.802	16.210.595.031
1. TSCĐ hữu hình	221	V.06	6.781.581.249	3.871.723.411
- Nguyên giá	222		11.900.389.735	7.051.647.697
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.118.808.486)	(3.179.924.286)
2. TSCĐ vô hình	227	V.07	35.824.006.820	2.330.007.620
- Nguyên giá	228		36.077.190.180	2.455.811.780
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(253.183.360)	(125.804.160)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.08	11.178.586.733	10.008.864.000
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		124.786.243.100	83.631.131.100
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.09	63.104.000.000	35.500.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.10	5.209.131.100	2.931.131.100
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.12	70.990.807.200	45.200.000.000
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259	V.12	(14.517.695.200)	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		3.130.820.772	1.913.434.254
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		4.545.454	4.545.454
2. Tài sản dài hạn khác	268	V.11	3.126.275.318	1.908.888.800
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		681.094.202.514	543.419.671.319

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. Nợ phải trả	300		443.394.463.601	355.762.574.370
I. Nợ ngắn hạn	310		414.688.731.340	339.230.265.987
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.13	110.730.218.671	143.016.411.208
2. Phải trả người bán	312	V.14	281.637.344.112	184.310.708.548
3. Người mua trả tiền trước	313	V.14	18.749.715.536	8.833.694.807
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	V.15	2.073.348.787	4.193.850
5. Phải trả người lao động	315		1.167.122.040	2.148.191.760
6. Chi phí phải trả	316	V.16	256.487.234	618.057.311
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.17	74.494.960	299.008.503
II. Nợ dài hạn	330		28.705.732.261	16.532.308.383
1. Vay và nợ dài hạn	334	V.18	28.660.846.844	16.481.400.012
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		44.885.417	50.908.371
B. Vốn chủ sở hữu	400	V.19	237.699.738.913	187.657.096.949
I. Vốn chủ sở hữu	410		236.744.990.945	187.806.295.537
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		109.967.770.000	99.972.960.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		59.924.599.600	59.924.599.600
3. Cổ phiếu quỹ	414		(142.489.800)	(100.070.800)
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		12.119.364.160	1.345.072.619
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.670.996.763	1.151.817.697
6. Lợi nhuận chưa phân phối	420		52.204.750.222	25.511.916.421
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		954.747.968	(149.198.588)
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		954.747.968	(149.198.588)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		681.094.202.514	543.419.671.319

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gởi		
4. Nợ khó đòi đã xử lý		
5. Ngoại tệ tiền mặt và tiền gửi ngân hàng	1,866,985.42	489,341.40
6. Dự toán chi hoạt động		

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

Nguyễn Văn Lâm

Kế toán trưởng

Ngày 24 tháng 02 năm 2009

Nguyễn Ngọc Anh

Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2008

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2008	Năm 2007
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		3.926.334.819.391	2.910.310.526.217
2. Các khoản giảm trừ	02		1.033.040.000	451.688.455
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.20	3.925.301.779.391	2.909.858.837.762
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.21	3.787.352.864.248	2.861.007.444.221
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		137.948.915.143	48.851.393.541
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.22	20.581.823.657	22.352.543.719
7. Chi phí tài chính	22	VI.23	50.649.165.919	18.419.495.532
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		24.497.333.020	17.587.830.133
Chi phí dự phòng đầu tư tài chính			23.591.069.795	-
8. Chi phí bán hàng	24	VI.24	27.022.443.718	17.721.859.720
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.25	12.569.735.077	6.265.246.038
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		68.289.394.086	28.797.335.970
11. Thu nhập khác	31	VI.26	32.615.392.887	1.171.320.461
12. Chi phí khác	32	VI.27	32.242.344.991	232.775.707
13. Lợi nhuận khác	40		373.047.896	938.544.754
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		68.662.441.982	29.735.880.724
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.28	8.997.420.276	4.223.964.303
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		59.665.021.706	25.511.916.421
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	60	VI.29	5.514	3.662

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

Nguyễn Văn Lâm

Kế toán trưởng

Ngày 24 tháng 02 năm 2009

Nguyễn Ngọc Anh

Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2008

Đơn vị tính: VND

	<i>Mã số</i>	<i>Năm 2008</i>	<i>Năm 2007</i>
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Lợi nhuận trước thuế	01	68.662.441.982	29.735.880.724
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	2.162.388.400	1.825.420.608
Các khoản dự phòng	03	24.600.421.343	-
Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(729.922.636)	-
Lãi/lỗ do từ hoạt động đầu tư	05	(13.259.126.565)	(15.812.087.747)
Chi phí lãi vay	06	24.497.333.110	17.587.830.133
Lợi nhuận thay đổi vốn lưu động	08	105.933.535.634	33.337.043.718
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	74.754.642.001	(5.215.657.514)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(15.287.492.746)	(15.626.634.174)
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11	106.309.628.606	5.860.494.366
Tăng/ giảm chi phí trả trước	12	41.580.000	(17.114.329)
Tiền lãi vay đã trả	13	(24.280.845.786)	(17.334.360.834)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(10.107.172.080)	(4.323.382.899)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	182.794.908	269.678.872
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(2.385.175.350)	(4.003.037.033)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	235.161.495.187	(7.052.969.827)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(48.512.667.800)	(23.713.699.163)
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(48.333.663.459)	(76.801.688.200)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	8.787.999.613	34.584.013.163
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	13.855.101.565	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(74.203.230.081)	(65.931.374.200)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp	31	9.994.810.000	66.947.180.000
Tiền chi trả vốn góp, mua lại cổ phiếu	32	(42.419.000)	(100.070.800)
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn	33	672.272.825.325	527.141.012.863
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(687.409.708.525)	(482.858.419.761)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(4.969.862.505)	-
Cổ tức, lợi nhuận trả cho chủ sở hữu	36	(28.677.910.700)	(4.800.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(38.832.265.405)	106.329.702.302
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	122.125.999.701	33.345.358.275
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	55.460.426.658	22.115.068.383
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61	418.194.370	-
Tiền tồn cuối kỳ	70	178.004.620.729	55.460.426.658

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

Nguyễn Văn Lâm

Kế toán trưởng

Ngày 24 tháng 02 năm 2009

Nguyễn Ngọc Anh

Tổng Giám đốc

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính được đính kèm.

I. Đặc điểm hoạt động doanh nghiệp

1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC (“Công ty”) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002772 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18/10/2004 và đăng ký thay đổi đến lần thứ 5 ngày 14/3/2008.

Hình thức sở hữu vốn: Vốn cổ phần.

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là: 109.967.770.000 đồng.

2 Tên giao dịch, trụ sở và các đơn vị trực thuộc

Công ty có tên giao dịch quốc tế là: SMC TRADING INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY. Tên viết tắt: SMC J.S.C.

- Trụ sở chính đặt tại: 124 Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP.Hồ Chí Minh.

- Chi nhánh Bình Dương; Chi nhánh Hà Nội và chi nhánh An Lạc.

Các đơn vị sản xuất trực thuộc Công ty có con dấu riêng; có tài khoản tiền gửi tại ngân hàng và hạch toán phụ thuộc Công ty.

3 Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất - thương mại - dịch vụ.

4 Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu sắt thép, hàng kim khí, vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất, thiết bị xây lắp, thiết bị cơ khí, khung kho nhà xưởng bằng cấu kiện nhôm, thép, inox (không sản xuất tại trụ sở);
- Xây dựng, lắp đặt công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi;
- Sửa chữa nhà ở, trang trí nội thất;
- Lập dự án đầu tư xây dựng;
- Kinh doanh nhà;
- Mua bán hàng kim khí điện máy, thực phẩm;
- Dịch vụ giao nhận, kho vận hàng hoá nội địa và xuất khẩu.

5 Tổng số công nhân viên

Tổng số lao động đến ngày 31/12/2008: 134 người.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2008

(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

6 Danh sách Công ty con và Công ty liên kết, liên doanh

Tên công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ lợi ích	Quyền biểu quyết
Công ty TNHH Thép SMC	Đường 1B, KCN Phú Mỹ 1, Tân Thành, Bà Rịa - Vũng Tàu	Sản xuất, thương mại và dịch vụ	100%	100%
Công ty Cổ phần Hải Việt	Lô số 47, KCN Quang Minh, huyện Mê Linh, Tp Hà Nội	Nuôi trồng thủy sản, sản xuất, thương mại và dịch vụ	60%	60%
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Vật tư Sao Việt	147/6 Ung Văn Khiêm, phường 25, quận Bình Thạnh, Tp.HCM	Sản xuất, thương mại và dịch vụ	35%	35%
Công ty Cổ phần Cơ khí Chiến Thắng	230 Bạch Đằng, Phường 24, Q.Bình Thạnh, Tp. HCM	Sản xuất, thương mại và dịch vụ	39%	39%

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

- Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01, kết thúc ngày 31/12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

III Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng theo Hệ thống Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính.

Các Báo cáo tài chính đính kèm được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

IV Các chính sách kế toán áp dụng

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3. Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ do Công ty sử dụng (VNĐ) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng vào ngày phát sinh. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tài sản và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá quy định vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch đánh giá lại cuối kỳ được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

4. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính và sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển.

- Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.
- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho:
 - + Phương pháp áp dụng năm 2007: bình quân gia quyền.
 - + Phương pháp áp dụng năm 2008: nhập sau xuất trước.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho: được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

5. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

6. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ.

Phần mềm máy vi tính và phần mềm kế toán

Phần mềm máy tính và phần mềm kế toán là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

Khấu hao tài sản cố định

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng. Công ty áp dụng thời gian khấu hao theo quy định tại Quyết định 206/2003/QĐ/BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài Chính. Năm 2008, Công ty đã đăng ký với cơ quan Thuế áp dụng mức khấu hao nhanh.

	Khấu hao theo đường thẳng	Năm 2008
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 năm	3 năm
Máy móc thiết bị	5 - 7 năm	2,5 - 3,5 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 - 10 năm	2,5 - 5 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5 năm	1,5 - 2,5 năm

7. Đầu tư tài chính

Đầu tư vào Công ty con

Các khoản đầu tư vào các Công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty con sau ngày Công ty mẹ nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty mẹ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào các Công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các Công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các Công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư tài chính khác

Chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế. Dự phòng được lập cho việc giảm giá của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày lập bảng cân đối kế toán.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết trên thị trường chứng khoán khi giá thị trường thấp hơn giá trị sổ sách. Các chứng khoán không niêm yết mà không có cơ sở để xác định một cách đáng tin cậy giá trị hợp lý được ghi nhận theo giá mua ban đầu.

8. Lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế

Tiền lương được tính toán và trích lập đưa vào chi phí trong kỳ dựa theo hợp đồng lao động. Theo đó, bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế cũng được trích lập với tỷ lệ là 20% và 3% tương ứng tiền lương của người lao động. Tỷ lệ 17% sẽ được đưa vào chi phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế trong kỳ; và 6% sẽ được trích từ lương của người lao động.

9. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã thanh toán hoặc nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

10. Chi phí lãi vay

Lãi tiền vay của khoản vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng tài sản cố định trong giai đoạn trước khi hoàn thành đưa vào sử dụng sẽ được cộng vào nguyên giá tài sản. Lãi tiền vay của các khoản vay khác được ghi nhận là chi phí hoạt động tài chính ngay khi phát sinh.

11. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản nợ dự phòng phải trả trong tương lai chưa chắc chắn về giá trị hoặc thời gian phải trả. Các khoản dự phòng nợ phải trả được ghi nhận khi đã xác định chắc chắn nghĩa vụ nợ phải trả vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dự phòng trợ cấp mất việc làm: Công ty trích lập theo tỷ lệ 3% trên tổng quỹ lương đóng bảo hiểm y tế và xã hội.

Dự phòng phải trả được ghi nhận theo phương pháp lập thêm hoặc hoàn nhập theo số chênh lệch giữa số dự phòng phải trả phải lập năm nay so với số dự phòng phải trả đã lập năm trước.

12. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua.

13. Ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh và tương xứng với doanh thu.

14. Thuế

Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại SMC có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 28% trên thu nhập chịu thuế. Thu nhập chịu thuế được tính dựa trên kết quả hoạt động trong năm và điều chỉnh cho các khoản chi phí không được khấu trừ và các khoản lỗ do các năm trước mang sang (nếu có). Công ty được miễn thuế trong 2 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 2 năm tiếp theo.

Ngoài thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp các khoản thuế khác theo các quy định về thuế hiện hành.

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Năm tài chính 2008 là năm tài chính thứ hai Công ty được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập Bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

15. Nguyên tắc ghi nhận vốn

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp ban đầu của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu ngân quỹ.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế số cổ phiếu do Công ty phát hành sau đó mua lại được trừ vào vốn chủ sở hữu của Công ty. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

16. Bên liên quan

Một bên được xem là có liên quan đến Công ty nếu có khả năng kiểm soát Công ty hay có ảnh hưởng đáng kể tới các hoạt động cũng như tài chính của Công ty. Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và các bên liên quan, nếu có, sẽ được trình bày trong các báo cáo tài chính.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong bảng cân đối kế toán

1. Tiền	31/12/2008	01/01/2008
Tiền mặt (VNĐ)	23.484.015.386	29.589.219.003
Tiền mặt (USD)	52.628.700	264.766.040
Tiền gửi ngân hàng (VNĐ)	147.047.251.850	18.028.533.037
Tiền gửi ngân hàng (USD)	7.420.724.793	7.577.908.578
Cộng	178.004.620.729	55.460.426.658

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2008

(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

2. Đầu tư ngắn hạn	31/12/2008	01/01/2008
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	19.797.183.595	35.924.326.949
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(9.073.374.595)	-
Cộng (*)	10.723.809.000	35.924.326.949

(*) Chi tiết các khoản đầu tư ngắn hạn và trích lập dự phòng tại thời điểm 31/12/2008

	Số cổ phần	Giá trị đầu tư	Trích lập dự phòng	Giá trị thuần
Công ty CP XNK Thủy sản Cửu Long An Giang	3.000	265.200.000	204.000.000	61.200.000
Công ty CP Văn Hoá Tân Bình	2.720	82.228.667	28.100.667	54.128.000
Công ty CP Nam Việt	3.000	280.500.000	224.100.000	56.400.000
Công ty CP Cao su Đồng Phú	980	50.607.812	20.815.812	29.792.000
Công ty CP Cao su Đà Nẵng	3.360	296.641.844	240.193.844	56.448.000
Công ty CP XNK Lâm Thủy sản Bến Tre	21.500	1.131.437.500	608.987.500	522.450.000
Công ty CP Vật tư Xăng dầu	2.000	28.600.000	-	28.600.000
Công ty CP XNK Petrolimex	5	103.307	42.307	61.000
Công ty CP Cấp và VL Viễn Thông	19.118	583.019.465	317.279.265	265.740.200
Công ty CP Điện Cần Đơn	12.466	514.978.000	336.714.200	178.263.800
Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn	1.500	271.000.000	227.800.000	43.200.000
Công ty CP XNK Thủ Đức	80.493	3.058.734.000	1.295.937.300	1.762.796.700
Công ty CP Cao su Tây Ninh	5.577	360.831.900	225.310.800	135.521.100
Công ty CP Bao bì Nhựa Tân Tiến	38.000	675.209.200	25.409.200	649.800.000
Công ty CP Nhựa Tân Hoá	14.000	170.700.000	79.700.000	91.000.000
Trái phiếu CII	12	12.000.000	-	12.000.000
Công ty CP Đại lý Hàng Hải	11.200	420.483.700	308.483.700	112.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương	10.000	1.067.000.000	757.000.000	310.000.000
Công ty CP Bao bì Sài Gòn	70.500	725.000.000	231.500.000	493.500.000
Công ty Tư vấn XD Tổng hợp	29.714	632.908.200	-	632.908.200
Công ty Inlaco Sài Gòn	50.000	1.780.000.000	1.255.000.000	525.000.000
CN Công ty XD PTĐT Đà Lạt	20.000	338.000.000	-	338.000.000
Công ty CP Bảo hiểm Việt Nam	50.000	3.612.000.000	2.687.000.000	925.000.000
Công ty CP Khoáng sản Việt Nam	150.000	3.440.000.000	-	3.440.000.000
Cộng		19.797.183.595	9.073.374.595	10.723.809.000

Trong năm 2008, các khoản cổ tức được nhận từ một số chứng khoán đầu tư ngắn hạn là 1.010.978.367 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2008***(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

3. Các khoản phải thu ngắn hạn	31/12/2008	01/01/2008
Phải thu khách hàng	167.831.487.464	204.765.090.160
Trả trước cho người bán (3.1)	16.638.501.480	20.978.161.971
Phải thu khác (3.2)	1.454.010.359	1.705.028.808
Cộng	185.923.999.303	227.448.280.939
Dự phòng phải thu khó đòi	(1.009.351.548)	-
Cộng	184.914.647.755	227.448.280.939

(3.1) Trong đó, khoản trả trước cho Công ty TNHH thép Well Time là 298,000.00 USD tương đương 5.059.146.000 đồng.

(3.2) Bao gồm:	31/12/2008
- Lãi ký quỹ phải thu	1.038.503.330
- Khoản tiền đặt cọc mua cổ phiếu	400.000.000
- Các khoản khác	15.507.029
Cộng	1.454.010.359

4. Hàng tồn kho	31/12/2008	01/01/2008
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	2.773.171.016
Hàng hoá	94.577.846.387	64.330.266.786
Cộng (*)	94.577.846.387	67.103.437.802
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Cộng giá trị thuần hàng tồn kho	94.577.846.387	67.103.437.802

(*) Trong đó, giá trị hàng tồn kho được dùng để đảm bảo các khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng Công Thương Việt Nam Sở Giao dịch 2 là: 66.700.000.000 đồng.

5. Tài sản ngắn hạn khác	31/12/2008	01/01/2008
Chi phí trả trước ngắn hạn	-	41.580.000
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	1.762.001.166	408.234.369
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	-	345.329.680
Các khoản tạm ứng	205.050.000	-
Ký quỹ mua hàng hóa (*)	29.204.988.803	54.932.894.537
Cộng	31.172.039.969	55.728.038.586

(*) Trong đó, các khoản ký quỹ có gốc ngoại tệ là 277,139.00 USD tương đương 4.704.988.803 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH***Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2008**(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)***6. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	1.067.193.636	50.401.219	5.481.103.671	452.949.171	7.051.647.697
Mua mới	1.742.639.091	169.640.647	2.884.110.107	357.629.335	5.154.019.180
Đầu tư hoàn thành	-	-	386.822.858	-	386.822.858
Giảm khác	692.100.000	-	-	-	692.100.000
Số dư cuối kỳ	2.117.732.727	220.041.866	8.752.036.636	810.578.506	11.900.389.735
Hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	59.280.000	38.418.019	2.741.656.951	340.569.316	3.179.924.286
Tăng	480.985.000	24.879.200	1.372.072.620	157.072.380	2.035.009.200
Giảm khác	96.125.000	-	-	-	96.125.000
Số dư cuối kỳ	444.140.000	63.297.219	4.113.729.571	497.641.696	5.118.808.486
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	1.007.913.636	11.983.200	2.739.446.720	112.379.855	3.871.723.411
Số dư cuối kỳ	1.673.592.727	156.744.647	4.638.307.065	312.936.810	6.781.581.249

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là: 1.943.999.618 đồng.

Trong năm 2008, Công ty đã đăng ký với cơ quan Thuế áp dụng mức khấu hao nhanh (gấp 2 lần so với mức khấu hao đường thẳng). Nếu trong năm 2008, Tài sản cố định của Công ty được trích khấu hao theo như thời gian khấu hao đường thẳng thì số khấu hao cần phải điều chỉnh giảm là 901.366.094 đồng.

Tài sản cố định giảm do phá dỡ cho mục đích xây dựng mới.

7. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	2.349.927.620	105.884.160	2.455.811.780
Tăng	33.607.900.000	13.478.400	33.621.378.400
Giảm	-	-	-
Số dư cuối kỳ	35.957.827.620	119.362.560	36.077.190.180

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH***Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2008**(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)***7. Tài sản cố định vô hình (tiếp theo)**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Cộng
Khấu hao lũy kế			
Số dư đầu kỳ	20.080.000	105.724.160	125.804.160
Tăng	120.480.000	6.899.200	127.379.200
Giảm	-	-	-
Số dư cuối kỳ	140.560.000	112.623.360	253.183.360
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	2.329.847.620	160.000	2.330.007.620
Số dư cuối kỳ	35.817.267.620	6.739.200	35.824.006.820

Nguyên giá phần mềm máy vi tính đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là: 105.884.160 đồng.

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng vô thời hạn tại 396 Ung Văn Khiêm, P.25, Q.Bình Thạnh, Tp.HCM trị giá 33.607.900.000 đồng, đã được cầm cố thế chấp tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương - Chi nhánh Bến Nghé; và quyền sử dụng đất có thời hạn 42 năm (đến tháng 11 năm 2046) tại Khu Công nghiệp Đồng An, Thuận An, Bình Dương trị giá 2.349.927.620 đồng.

8. Xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2008	01/01/2008
- Mua sắm TSCĐ	1.280.257.090	9.621.600.000
- XDCB dở dang (*)	9.898.329.643	387.264.000
Cộng	11.178.586.733	10.008.864.000
(*) Bao gồm:	31/12/2008	
Công trình nhà kho tại chi nhánh Bình Dương	452.501.895	
Hệ thống cầu trục tại chi nhánh Bình Dương	215.238.095	
Công trình văn phòng tại 396 Ung Văn Khiêm	6.868.010.909	
Phí tư vấn xây dựng nhà máy Cơ Khí - Thép SMC	387.264.000	
Chi phí lãi vay được vốn hóa tài sản cố định	1.440.875.371	
Công trình khác	534.439.373	
Cộng	9.898.329.643	

9. Đầu tư vào Công ty con

			Giá trị đầu tư	
		Tỷ lệ sở hữu	31/12/2008	01/01/2008
Công ty TNHH Thép SMC	(9.1)	100%	50.000.000.000	35.500.000.000
Công ty Cổ phần Hải Việt	(9.2)	60%	13.104.000.000	-
Cộng			63.104.000.000	35.500.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2008***(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

(9.1) Là khoản vốn góp thành lập Công ty TNHH Thép SMC theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4904000110 ngày 25/6/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp. Tính đến thời điểm 31/12/2008, Công ty đã góp 50 tỷ đồng tương đương 100% vốn điều lệ. Công ty chưa nhận được bất kỳ các khoản cổ tức hay lợi nhuận được chia nào từ khoản đầu tư trên.

(9.2) Đầu tư dài hạn mua 312.000 cổ phần Công ty cổ phần Hải Việt với giá mua là 42.000 đồng/cổ phần (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần). Tỷ lệ vốn góp của Công ty chiếm 60% (tổng vốn điều lệ: 5,2 tỷ đồng). Công ty chưa nhận được bất kỳ các khoản cổ tức hay lợi nhuận được chia nào từ khoản đầu tư trên.

10. Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh		31/12/2008	01/01/2008
Công ty cổ phần Cơ khí Chiến Thắng	(10.1)	3.459.131.100	2.931.131.100
Công ty cổ phần SX - TM Vật Tư Sao Việt	(10.2)	1.750.000.000	-
Cộng		5.209.131.100	2.931.131.100

(10.1) Là khoản vốn góp vào Công ty cổ phần Cơ khí Chiến Thắng theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103004376 ngày 27/02/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp với tỷ lệ đăng ký sở hữu của Công ty là 14,13% tương đương 1.243.760.000 đồng. Tính đến thời điểm 31/12/2008, số vốn thực góp của Công ty là 3.459.131.100 đồng tương đương 39,3% vốn điều lệ (tổng vốn điều lệ: 8,8 tỷ đồng). Công ty đã nhận được cổ tức được chia được chia trong năm 2008 là 104.917.500 đồng.

(10.2) Đầu tư dài hạn mua 175.000 cổ phần Công ty cổ phần SX - TM Vật Tư Sao Việt với giá mua 10.000 đồng/cổ phần. Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103010318 ngày 16/5/2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, tỷ lệ đăng ký sở hữu của Công ty là 35% tương đương 3,5 tỷ đồng. Tính đến thời điểm 31/12/2008, số vốn thực góp của Công ty là 1.750.000.000 đồng tương đương 17,5%. Công ty chưa nhận được bất kỳ khoản cổ tức, lợi nhuận được chia nào từ Công ty liên kết này.

11. Tài sản dài hạn khác		31/12/2008	01/01/2008
Khoản ký quỹ tại Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Chailease		1.908.888.800	1.908.888.800
Khoản ký quỹ tại Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam		1.217.386.518	-
Cộng		3.126.275.318	1.908.888.800

12. Đầu tư dài hạn khác		31/12/2008	01/01/2008
Đầu tư dài hạn khác		70.990.807.200	45.200.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn		(14.517.695.200)	-
Cộng	(12.1)	56.473.112.000	45.200.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2008

(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(12.1) Chi tiết các khoản đầu tư dài hạn và trích lập dự phòng tại thời điểm 31/12/2008

	Số cổ phần	Giá trị đầu tư	Trích lập dự phòng	Giá trị thuần
Công ty Cổ phần Thép - Thép Việt (*)	1.200.000	33.000.000.000	9.000.000.000	24.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu Tư Nam Khang (*)	450.000	9.875.000.000	1.325.000.000	8.550.000.000
Công ty Cổ phần Thép Biên Hoà	420.596	12.175.807.200	2.922.695.200	9.253.112.000
Công ty Cổ phần bê tông 620 Long An (*)	50.000	500.000.000	-	500.000.000
Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè	100.000	2.720.000.000	1.270.000.000	1.450.000.000
Công ty Cổ phần Thép tấm lá Thống Nhất	1.221.000	12.210.000.000	-	12.210.000.000
Nhà Máy Cơ Khí Luyện Kim (*)	30.000	510.000.000	-	510.000.000
Cộng		70.990.807.200	14.517.695.200	56.473.112.000

(*) Trong năm 2008, Công ty đã nhận được cổ tức được chia từ việc đầu tư vào các Công ty này với tổng số tiền là 3.751.900.000 đồng.

13. Vay và nợ ngắn hạn	31/12/2008	01/01/2008
Vay ngắn hạn	43.214.497.000	120.730.000.000
Vay cá nhân	60.432.766.000	17.252.611.200
Vay dài hạn đến hạn trả	7.082.955.671	5.033.800.008
Cộng (*)	110.730.218.671	143.016.411.208

(*) Chi tiết các khoản nợ vay và nợ ngắn hạn ngân hàng

	Số dư đầu năm	Tăng	Giảm	Số dư cuối năm
NH Công Thương - SGD II	120.730.000.000	387.609.794.325	465.125.297.325	43.214.497.000
NH Hồng Kông và Thượng Hải	-	175.000.000.000	175.000.000.000	-
Vay cá nhân	17.252.611.200	64.044.566.000	20.864.411.200	60.432.766.000
Nợ dài hạn đến hạn trả (18*)	5.033.800.008	8.772.656.102	6.723.500.439	7.082.955.671
Cộng	143.016.411.208	635.427.016.427	667.713.208.964	110.730.218.671

Khoản vay Ngân hàng Công Thương Việt Nam - Sở Giao dịch II theo hợp đồng vay ngắn hạn số 08440201/HĐTDHM ngày 02/01/2008 với hạn mức tín dụng là 179.500.000.000 đồng, lãi suất từ 11%/năm đến 13%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng 149.500.000.000 đồng tín chấp và 30.000.000.000 đồng bằng hàng tồn kho được trình bày bổ sung tại mục số 4 - trang 15 - phần thuyết minh báo cáo tài chính và quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở tại địa chỉ số 124 Ung Văn Khiêm, P.25, Bình Thạnh, Tp.HCM do bà Nguyễn Cẩm Hà đứng tên chủ sở hữu; quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà tại địa chỉ số 5B Phan Bội Châu, P.2, Bình Thạnh, Tp.HCM và số 147/6 Ung Văn Khiêm, P.25, Bình Thạnh, Tp.HCM do bà Nguyễn Thị Ngọc Loan đứng tên chủ sở hữu.

Các khoản vay cá nhân được thực hiện theo từng biên bản thỏa thuận với thời hạn 01 năm, lãi suất huy động từ 1%/tháng - 1,6%/tháng, tiền lãi được trả hàng tháng vào ngày 25 của tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH***Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2008**(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

14. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước	31/12/2008	01/01/2008
Phải trả người bán	281.637.344.112	184.310.708.548
Người mua trả tiền trước	18.749.715.536	8.833.694.807
Cộng	300.387.059.648	193.144.403.355
15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	31/12/2008	01/01/2008
Thuế giá trị gia tăng	-	4.193.850
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.394.058.044	-
Thuế thu nhập cá nhân	679.290.743	-
Cộng	2.073.348.787	4.193.850
16. Chi phí phải trả	31/12/2008	01/01/2008
Chi phí lãi vay phải trả	216.487.234	253.469.299
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả tạm tính	-	284.588.012
Chi phí phải trả khác	40.000.000	80.000.000
Cộng	256.487.234	618.057.311
17. Các khoản phải trả, phải nộp khác	31/12/2008	01/01/2008
Kinh phí công đoàn	54.595.000	110.997.000
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	13.220.361	9.901.305
Phải trả khác	6.679.599	178.110.198
Cộng	74.494.960	299.008.503
18. Vay và nợ dài hạn	31/12/2008	01/01/2008
Vay dài hạn ngân hàng (18.1)	10.000.000.000	12.420.000.000
Nợ dài hạn (18.2)	25.743.802.515	9.095.200.020
Cộng	35.743.802.515	21.515.200.020
Nợ dài hạn đến hạn trả (*)	(7.082.955.671)	(5.033.800.008)
Cộng	28.660.846.844	16.481.400.012

(18.1) Chi tiết vay dài hạn ngân hàng:

	Số dư đầu năm	Tăng	Giảm	Số dư cuối năm
NH Công Thương - SGD II	12.420.000.000	-	12.420.000.000	-
NH TMCP Sài Gòn Công Thương	-	24.000.000.000	14.000.000.000	10.000.000.000
Cộng	12.420.000.000	24.000.000.000	26.420.000.000	10.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2008***(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

Khoản vay Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Sài Gòn Công Thương theo hợp đồng tín dụng số 15/2008/HĐTDDA ngày 23/01/2008 để xây dựng trụ sở làm việc, tổng số tiền vay 24 tỷ đồng, lãi suất 0,95%/tháng, thời gian đáo hạn đến 24/01/2012. Đến ngày 31/12/2008, số dư nợ vay là 10 tỷ đồng. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay và quyền sử dụng đất tại 396 Ung Văn Khiêm - phường 25 - quận Bình Thạnh - Tp.HCM.

(18.2) Bao gồm các khoản nợ dài hạn phải trả liên quan đến các hợp đồng thuê tài chính với:

Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Chailease	14.202.489.768
Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam	11.541.312.747
Cộng	25.743.802.515

Tài sản thuê tài chính đã được Công ty chuyển nhượng cho Công ty TNHH Thép SMC với giá chuyển nhượng bằng giá vốn. Các khoản nợ dài hạn liên quan đến các hợp đồng thuê tài chính đến hạn trả là 7.082.955.671 đồng

19. Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Đầu kỳ	Tăng	Giảm	Cuối kỳ
Nguồn vốn kinh doanh	99.972.960.000	9.994.810.000	-	109.967.770.000
Thặng dư vốn cổ phần	59.924.599.600			59.924.599.600
Cổ phiếu quỹ	(100.070.800)	(42.419.000)		(142.489.800)
Quỹ đầu tư phát triển	1.345.072.619	10.774.291.541		12.119.364.160
Quỹ dự phòng tài chính	1.151.817.697	1.519.179.066		2.670.996.763
Lợi nhuận chưa phân phối	25.511.916.421	59.665.021.706	32.972.187.905	52.204.750.222
Quỹ khen thưởng phúc lợi	(149.198.588)	3.221.153.041	2.117.206.485	954.747.968
Cộng	187.657.096.949	85.132.036.354	35.089.394.390	237.699.738.913

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Cổ đông	Vốn điều lệ		Vốn góp thực tế	
	Giá trị	Số cổ phần	Giá trị	Số cổ phần
Nhóm cổ đông trong nước	109.967.770.000	10.996.777	94.888.370.000	9.488.837
Nhóm cổ đông ngoài nước		-	15.079.400.000	1.507.940
Cộng	109.967.770.000	10.996.777	109.967.770.000	10.996.777
Cổ phiếu quỹ	-	-	(142.489.800)	(6.718)
Cộng	109.967.770.000	10.996.777	109.825.280.200	10.990.059

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2008***(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)***Lợi nhuận chưa phân phối**

Lợi nhuận lũy kế đến 01/01/2008	25.511.916.421
Lợi nhuận sau thuế phát sinh năm 2008	59.665.021.706
Điều chỉnh giảm quỹ lương thừa năm 2007, tăng lợi nhuận	445.987.760
Điều chỉnh giảm chi phí lãi vay năm 2007 để vốn hóa TSCĐ, tăng lợi nhuận	1.440.875.371
Điều chỉnh tăng lợi nhuận năm 2007 do ảnh hưởng của việc điều chỉnh hồi tố số dư đầu kỳ	10.480.747.622
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	(3.038.358.133)
Trích lập quỹ dự phòng tài chính	(1.519.179.066)
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	(10.774.291.541)
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	(267.968.865)
Trả cổ tức năm 2007	(15.489.839.500)
Trả cổ tức năm 2008	(13.188.071.200)
Truy thu thuế TNDN	(1.062.090.353)
Lợi nhuận lũy kế đến 31/12/2008	52.204.750.222

VI. Thông tin bổ sung Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

20. Doanh thu	Năm 2008	Năm 2007
Doanh thu bán hàng hoá	3.926.334.819.391	2.910.310.526.217
- Hàng bán bị trả lại	(1.033.040.000)	(451.688.455)
Cộng	3.925.301.779.391	2.909.858.837.762

21. Giá vốn hàng bán	Năm 2008	Năm 2007
Giá vốn sản phẩm thép các loại xuất bán trong năm	3.787.352.864.248	2.861.007.444.221

22. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm 2008	Năm 2007
Lãi tiền gửi ngân hàng	850.582.076	475.474.363
Lãi ký quỹ	8.157.388.332	5.093.909.323
Lãi bán chứng khoán	-	15.748.320.356
Cổ tức được chia, lợi nhuận được chia	4.867.795.867	-
Lãi do chênh lệch tỷ giá	6.696.057.382	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	10.000.000	1.034.839.677
Cộng	20.581.823.657	22.352.543.719

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2008***(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

23. Chi phí hoạt động tài chính	Năm 2008	Năm 2007
Chi phí lãi vay	24.497.333.020	17.587.830.133
Chi phí dự phòng đầu tư tài chính	23.591.069.795	-
Lỗ bán chứng khoán	1.520.793.154	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	964.692.172	-
Chi phí tài chính khác (chủ yếu là phí bảo lãnh ngân hàng)	75.277.778	831.665.399
Cộng	50.649.165.919	18.419.495.532
24. Chi phí bán hàng	Năm 2008	Năm 2007
Chi phí nhân viên	7.214.699.864	5.679.858.742
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	127.170.336	201.693.557
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.866.270.040	1.622.750.021
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.918.983.682	8.790.439.887
Chi phí khác bằng tiền	1.895.319.796	1.427.117.513
Cộng	27.022.443.718	17.721.859.720
25. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm 2008	Năm 2007
Chi phí nhân viên quản lý	3.590.139.722	2.156.345.792
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	135.235.181	73.108.232
Chi phí đồ dùng văn phòng	27.357.143	-
Chi phí khấu hao	296.118.360	202.670.587
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.335.773.711	2.531.472.914
Dự phòng phải thu khó đòi	1.009.351.548	-
Chi phí khác bằng tiền	2.175.759.412	1.301.648.513
Cộng	12.569.735.077	6.265.246.038
26. Thu nhập khác	Năm 2008	Năm 2007
Thu cho thuê mặt bằng	129.000.000	592.669.924
Thuế thu nhập trích thừa năm 2007	203.707.054	-
Thu nhập bán phế liệu	161.850.000	-
Thu lãi quá hạn	401.169.163	-
Thu nhập tài sản chuyển nhượng	31.240.065.000	-
Thu từ hoạt động khác	479.601.670	578.650.537
Cộng	32.615.392.887	1.171.320.461

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2008***(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

27. Chi phí khác	Năm 2008	Năm 2007
Lãi chậm thanh toán	120.000.000	33.087.746
Giá trị còn lại của tài sản cố định phá dỡ	595.975.000	-
Giá vốn bán phế liệu	97.110.000	-
Giá vốn tài sản chuyển nhượng	31.240.065.000	-
Chi phí khác	189.194.991	199.687.961
Cộng	32.242.344.991	232.775.707
28. Chi phí thuế thu nhập hiện hành	Năm 2008	Năm 2007
Lợi nhuận kế toán trước thuế	68.662.441.982	29.735.880.724
Cộng chi phí không hợp lý	472.641.575	101.088.599
Trừ lỗ năm trước mang sang	-	(61.755.217)
Trừ cổ tức, lợi nhuận được chia	(4.867.795.867)	-
Thu nhập chịu thuế	64.267.287.690	29.775.214.106
Thuế suất	28%	28%
Thuế TNDN ước tính	17.994.840.553	8.337.059.950
Thuế TNDN được giảm 50% (tạm tính)	(8.997.420.277)	(4.113.095.647)
Thuế TNDN phải nộp ước tính	8.997.420.276	4.223.964.303
29. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm 2008	Năm 2007
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	59.665.021.706	25.511.916.421
Các khoản điều chỉnh tăng/giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ động sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận hoặc (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	59.665.021.706	25.511.916.421
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	10.820.553	6.966.910
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.514	3.662

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2008***(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)***VII. Thông tin khác****1. Số dư đầu kỳ**

Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam hiện hành, ảnh hưởng của việc điều chỉnh hồi tố số dư đầu kỳ phát sinh từ việc thay đổi phương pháp tính trị giá xuất hàng tồn kho và việc phân loại lại cần phải điều chỉnh. Số dư trên bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được trình bày lại như sau:

	Số dư trên BCTC 31/12/2007	Số dư tại ngày 01/01/2008	Chênh lệch
Các khoản mục trên Bảng cân đối kế toán			
Hàng tồn kho	79.290.353.641	67.103.437.802	(12.186.915.839)
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	-	345.329.680	345.329.680
Cộng	79.290.353.641	67.448.767.482	(11.841.586.159)
Thuế TNDN phải nộp	1.365.032.387	4.193.850	(1.360.838.537)
Lợi nhuận chưa phân phối	35.992.664.043	25.511.916.421	(10.480.747.622)
Cộng	37.357.696.430	25.516.110.271	(11.841.586.159)
Các khoản mục trên kết quả hoạt động kinh doanh			
Giá vốn hàng bán	2.848.820.528.382	2.861.007.444.221	12.186.915.839
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	5.930.132.520	4.223.964.303	(1.706.168.217)

Do thay đổi phương pháp tính giá xuất của hàng tồn kho từ phương pháp bình quân gia quyền sang phương pháp nhập sau xuất trước nên năm 2007 giá vốn hàng bán tăng và hàng tồn kho giảm 12.186.915.839 đồng. Cho mục đích so sánh số liệu giữa 2 thời kỳ, thay đổi phương pháp tính này làm cho số dư đầu năm của báo cáo tài chính năm 2008 cũng thay đổi tương ứng, và không làm ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh năm 2008.

2. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ tài chính

Công ty không có bất kỳ sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán đòi hỏi phải thực hiện những điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2008***(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)***3. Nghiệp vụ các bên liên quan**

Trong năm tài chính này, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan chủ yếu sau:

Bên liên quan	Mối liên kết	Nội dung	Số tiền
Công ty TNHH Thép SMC	Công ty con	Nhận cung cấp dịch vụ	(740.001.367)
		Cung cấp dịch vụ	158.000.000
		Bán hàng hóa	373.271.809.459
		Mua hàng hóa	(78.761.714.127)
		Góp vốn	(14.500.000.000)
		Bán tài sản cố định	31.240.065.000
Công ty Cổ phần Hải Việt	Công ty con	Mua hàng hóa	(1.740.096.024)
		Bán hàng hóa	2.963.884.139

Cho đến ngày lập bảng cân đối kế toán, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan chủ yếu như sau:

Bên liên quan	Mối liên kết	Nội dung	Phải thu / (phải trả)
Công ty TNHH Thép SMC	Công ty con	Người mua trả trước tiền hàng	12.280.257.152
Công ty Cổ phần Hải Việt		Phải thu tiền hàng	1.706.609.745

Nguyễn Văn Lâm

Kế toán trưởng

Ngày 24 tháng 02 năm 2009

Nguyễn Ngọc Anh

Tổng Giám đốc